Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8421.29.20

Mã HS	8421.29.20
Mô tả hàng hóa	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng hoặc chất khí / - Máy và thiết bị lọc hoặc tinh chế chất lỏng: / - - Loại khác: / - - - Loại sử dụng trong sản xuất đường
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 21:48:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84212920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13468
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13468
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13468
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12761
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12702
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12702
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12702
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12702
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12702
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12702
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12756
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12756
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12756

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12756
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12756
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12756
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12757
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12757
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12757
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12757
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12757
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12757
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12760
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12708
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12716
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12716
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12716
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12716
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12716
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12716
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12747
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12747
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12747
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12747
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12747
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12747
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12796
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12796
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12796

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12796
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12796
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12796
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12779
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12779
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12779
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12779
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12779
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12779
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12779
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12779
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12779
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12779
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12779
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12779
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12794
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12794
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12794
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12794
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12794
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12794
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12793
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12793
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12793
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12793
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12793

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12793
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12773
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12773
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12773
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12773
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12773
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12773
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12773
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12781
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12781
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12781
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12781
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12781
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12781
RCEP B	2022	2022	0	B!D12781
RCEP B	2023	2023	0	B!E12781
RCEP B	2024	2024	0	B!F12781
RCEP B	2025	2025	0	B!G12781
RCEP B	2026	2026	0	B!H12781
RCEP B	2027	2027	0	B!I12781
RCEP C	2022	2022	0	C!D12781
RCEP C	2023	2023	0	C!E12781
RCEP C	2024	2024	0	C!F12781
RCEP C	2025	2025	0	C!G12781
RCEP C	2026	2026	0	C!H12781
RCEP C	2027	2027	0	C!I12781

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12780
RCEP D	2023	2023	0	D!E12780
RCEP D	2024	2024	0	D!F12780
RCEP D	2025	2025	0	D!G12780
RCEP D	2026	2026	0	D!H12780
RCEP D	2027	2027	0	D!I12780
RCEP E	2022	2022	0	E!D12784
RCEP E	2023	2023	0	E!E12784
RCEP E	2024	2024	0	E!F12784
RCEP E	2025	2025	0	E!G12784
RCEP E	2026	2026	0	E!H12784
RCEP E	2027	2027	0	E!I12784
RCEP F	2022	2022	0	F!D12781
RCEP F	2023	2023	0	F!E12781
RCEP F	2024	2024	0	F!F12781
RCEP F	2025	2025	0	F!G12781
RCEP F	2026	2026	0	F!H12781
RCEP F	2027	2027	0	F!I12781
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11846
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11846
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11846
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11846

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8421.29 có 7 dòng thuế; dòng 8421.29.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại sử dụng trong sản xuất đường.	8421.29.10 Loại phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm; 8421.29.30 Loại sử dụng trong hoạt động khoan dầu; 8421.29.40 Loại khác, bộ lọc xăng; 8421.29.50 Loại khác, bộ lọc dầu; 8421.29.60 Loại khác, bằng fluoropolyme và có màng lọc hoặc màng tinh chế với độ dày không quá 140 micron (SEN); 8421.29.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8421.29.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8421.29.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13468), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.